

UBND HUYỆN ĐẮK SONG  
TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52 /BC-LVT

Đắk D'Nrung, ngày 20 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm: 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

**2. Địa chỉ**

Bon Bu Rwah, xã Đắk Song, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại: 0906533778

Địa chỉ thư điện tử: c1levantamds@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: c1levantam.daksong@daknong.gov.vn

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

- **Sứ mạng:** Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, chất lượng thực chất để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

- **Tầm nhìn:** Xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và Chuẩn quốc gia (Mức độ 1), tiến tới phấn đấu đạt mức độ cao hơn. giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên.

- **Mục tiêu:** Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học; tăng cường bảo đảm an toàn trường học. Đảm bảo duy trì ổn định chất lượng giáo dục toàn diện.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường Tiểu học Lê Văn Tám thành lập theo quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 31/07/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song. Trường được tách ra từ Trường Tiểu học Lê Đình Chinh. Khi mới thành lập, nhà trường có 11 lớp/248 học sinh, 7 phòng học cấp 4. Đến năm học 2024 - 2025, nhà trường có 14 lớp/469 học sinh; 18 phòng học (14 phòng kiên cố, 04 phòng cấp 4); 01 dãy hiệu bộ; hệ thống công và tường rào bao quanh; khuôn viên khang trang, sạch đẹp.

Trường đóng chân trên địa bàn bon Bu Rwah xã Đăk N'Drung. Tổng diện tích khuôn viên 10 503,2 m<sup>2</sup>. Học sinh theo học tại trường chủ yếu sinh sống ở các Bon Bu Rwah, Bu Boong, Bu N'Drung, N'Jang Lu, trong đó học sinh người dân tộc chiếm 85,3%. Địa bàn trải rộng, dân cư sống không tập trung, sống bằng nghề trồng cây công nghiệp, nông nghiệp ngắn ngày và làm thuê. Thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp trong xã, trong huyện. Trình độ dân trí tại địa phương chưa đồng đều. Những năm gần đây, nông sản không được mùa, giá nông sản xuống thấp, điều kiện kinh tế của nhân dân các bon còn gặp nhiều khó khăn.

Qua 22 năm thành lập và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp đảng và chính quyền địa phương, của ngành giáo dục và các bậc cha mẹ học sinh: Cơ sở vật chất ngày một khang trang, tỉ lệ phòng kiên cố đạt 77,8%. Nhà trường có đủ các tổ chức Đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Đội thiếu niên, Hội cha mẹ học sinh, Hội khuyến học - Khuyến tài; ... Quy mô lớp học tăng 1,27 lần, học sinh tăng 1.9 lần. Đội ngũ nhà giáo có năng lực chuyên môn vững vàng: 100% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên, trong đó ... giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 03 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Chất lượng dạy học và giáo dục học sinh từng bước được nâng lên.

Nhiều năm nhà trường đạt Tập thể Lao động Tiên tiến, cơ quan văn hoá cấp huyện được UBND huyện tặng giấy khen.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

- Hiệu trưởng: Hoàng Văn Nam
- Điện thoại: 0906533778
- Địa chỉ thư điện tử: [c1levantamds@gmail.com](mailto:c1levantamds@gmail.com)
- Gmail: [hoangnamtqt@gmail.com](mailto:hoangnamtqt@gmail.com)

**7. Tổ chức bộ máy:**

*a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)*

Trường Tiểu học Lê Văn Tám thành lập theo quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 31/07/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Song. Trường được tách ra từ trường Tiểu học Lê Đình Chinh.



*b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường*

Quyết định số 465/QĐ- UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Hội đồng trường các trường tiểu học, trường trung học cơ sở công lập thuộc huyện nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Về việc bổ sung, kiện toàn chức danh thành viên Hội đồng trường các trường mầm non, tiểu học, trung học thuộc huyện nhiệm kỳ 2021-2026

Danh sách gồm 9 thành viên: Nguyễn Ngọc Khương- Phó Chủ tịch UBND xã - Đại diện chính quyền địa phương, Hiệu trưởng, Đại diện Chi bộ, Ban đại diện CMHS, Chủ tịch Công đoàn, Tổ chuyên môn, Bí thư Chi đoàn.

*c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục*

QĐ điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng số 2192/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đắk Song.

QĐ điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số 1440/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đắk Song.

*d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục*

Trường TH Lê Văn Tám là trường công lập do UBND huyện Đắk Song thành lập và đầu tư xây dựng CSVN, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ trưởng theo các quy định của BGDDT và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng GD, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục*

- Hiệu trưởng: Hoàng Văn Nam

- Điện thoại: 0906533778

- Gmail: [hoangnamtqt@gmail.com](mailto:hoangnamtqt@gmail.com)

*b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường*

Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Hội đồng trường các trường tiểu học, trường trung học cơ sở công lập thuộc huyện nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Về việc bổ sung, kiện toàn chức danh thành viên Hội đồng trường các trường mầm non, tiểu học, trung học thuộc huyện nhiệm kỳ 2021-2026

Danh sách gồm 9 thành viên: Nguyễn Ngọc Khương- Phó Chủ tịch UBND xã - Đại diện chính quyền địa phương, Hiệu trưởng, Đại diện Chi bộ, Ban đại diện CMHS, Chủ tịch Công đoàn, Tổ chuyên môn, Bí thư Chi đoàn.

*c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục*

QĐ điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng số 2192/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đắk Song.

QĐ điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số 1440/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đắk Song.

*d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục*

Trường TH Lê Văn Tám là trường công lập do UBND huyện Đắk Song thành lập và đầu tư xây dựng CSVC, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ trưởng theo các quy định của BGDĐT và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng GD, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục*

- Hiệu trưởng: Hoàng Văn Nam

- Điện thoại: 0906533778

- Gmail: [hoangnamtqt@gmail.com](mailto:hoangnamtqt@gmail.com)

H  
TR  
IEI  
E V  
7



## Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

## **8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:**

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 43/KHCL-LVT ngày 20/12/2020 của trường Tiểu học Lê Văn Tám về Xây dựng trường Tiểu học Lê Văn Tám đạt Chuẩn quốc gia giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:** Theo Quyết định ban hành Quy chế dân chủ số 45/QĐ-LVT ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Văn Tám.

- **Các nghị quyết của hội đồng trường:** Có ít nhất 3 lần họp/năm.

- **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:**

QĐ về việc phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV. Quy chế làm việc (đã công khai trên website)

- **Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:**

QC thi đua- khen thưởng, Quy chế HĐ sáng kiến. QC chi tiêu nội bộ, QC chuyên môn.

- **Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác:** Kế hoạch và thông báo tuyển sinh lớp 1.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

### **1. Số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.**

- Tổng số CBGVNV tại thời điểm tháng 9/2024: 23 người (Kể cả nhân viên Bảo vệ hợp đồng theo nghị định 111). Cụ thể:

- Cán bộ quản lý: 02 người; nữ: 01;

- Giáo viên: 18 người (Trong đó: Giáo viên Tổng phụ trách Đội: 01 người; Giáo viên tiểu học 14 người; Giáo viên Âm nhạc: 01 người; Giáo viên Tiếng Anh: 01 người; Giáo viên Thể dục: 01 người; Giáo viên Mỹ thuật: 0

người);

- Nhân viên 03 người (Thư viện - Thiết bị, Kế toán, Bảo vệ).

- Trình độ chuyên môn: Đại học: 19; Cao đẳng: 01; THSP: 02. Hiện nay đội ngũ CBGV-CNV cơ bản đáp ứng được công tác dạy và học của nhà trường theo chương trình GDPT 2018.

Cơ cấu theo độ tuổi:

+ Dưới 30 tuổi : 1; nữ 0                      + Từ 30 – 39 tuổi: 12 ; nữ: 9  
 + Từ 40 - 49 tuổi : 5; nữ 3                    + Từ 50 - 55 tuổi : 4; nữ 2.

## 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên.

- Đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên của trường Tiểu học Lê Văn Tám năm học 2023-2024 với tổng số 18 giáo viên, cụ thể:

- + Xếp loại Tốt: 13 người; (có danh sách kèm theo).
- + Xếp loại Khá: 04 người; (có danh sách kèm theo).
- + Xếp loại chưa đạt: 01 người.

## 3. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Hoàn thành Bồi dưỡng thường xuyên: 23/23, đạt 100%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

\* Về cơ cấu lớp học, học sinh:

Hiện nay, toàn trường có 14 lớp với tổng số 468 học sinh; trong đó:

Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
	Tổng số	468	223	47.85	419	89.91	195	41.81	1	0.25	283	60.24
Khối 1	Tổng	100	48	48.00	94	94.00	43	43.00			63	63.00
	1A	34	16	47.06	33	97.06	15	44.12			26	76.47
	1B	33	17	51.52	30	90.91	14	42.42			17	51.52
	1C	33	15	45.45	31	93.94	14	42.42			20	60.61
Khối 2	Tổng	96	51	53.13	81	84.38	41	42.71			62	64.58
	2A	33	19	57.58	29	87.88	16	48.48			20	60.61
	2B	33	17	51.52	25	75.76	12	36.36			19	57.58



	2C	30	15	50.00	27	90.00	13	43.33			23	76.67
Khối 3	<b>Tổng</b>	<b>99</b>	<b>41</b>	<b>41.41</b>	<b>93</b>	<b>93.94</b>	<b>40</b>	<b>40.40</b>			<b>59</b>	<b>59.60</b>
	3A	34	14	41.18	32	94.12	14	41.18			24	70.59
	3B	33	13	39.39	32	96.97	12	36.36			15	45.45
	3C	32	14	43.75	29	90.63	14	43.75			20	62.50
Khối 4	<b>Tổng</b>	<b>89</b>	<b>42</b>	<b>47.09</b>	<b>76</b>	<b>85.35</b>	<b>38</b>	<b>43.68</b>		<b>0</b>	<b>53</b>	<b>59.28</b>
	4A	29	12	41.38	23	79.31	10	34.48			14	48.28
	4B	29	14	48.28	26	89.66	14	48.28			17	58.62
	4C	31	16	55.17	27	93.10	14	48.28			22	75.86
Khối 5	<b>Tổng</b>	<b>84</b>	<b>41</b>	<b>48.81</b>	<b>75</b>	<b>89.29</b>	<b>33</b>	<b>39.29</b>	<b>1</b>	<b>1.19</b>	<b>46</b>	<b>54.76</b>
	5A	42	19	45.24	40	95.24	18	42.86			23	54.76
	5B	42	22	52.38	35	83.33	15	35.71	1	2.38	23	54.76

**\* Cơ sở vật chất:**

Tổng diện tích nhà trường 10 503,2 m<sup>2</sup> với 18 phòng học, trong đó: kiên cố 14 phòng và 04 phòng học bán kiên cố; có phòng chức năng, nhà Giáo dục thể chất, có thiết bị, đồ dùng phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

**\* Khối phòng hành chính quản trị:**

Nội dung	Hiệu trưởng	P. Hiệu trưởng	Văn phòng	Phòng Bảo vệ	Nhà vệ sinh GV	Khu để xe CBGV	Phòng Đội
Số lượng	1	1	1	1	1	1	1

**\* Khối phòng phục vụ học tập:**

Nội dung	Phòng học	P. Mĩ thuật	P. AN	P. TA	P. Tin học	P. KH CN	P Đa chức năng
Số lượng	14	0	0	0	1	0	0
Thực trạng (Thừa: 0; Thiếu: 5)		-1	-1	-1		-1	-1

**\* Khối phòng hỗ trợ học tập:**

Nội dung	Phòng thư viện	Phòng TB-DD	Phòng Tư vấn học đường hỗ trợ HSKT	Phòng Truyền thống	Phòng Đội



Số lượng	1 (tạm)	1 (tạm)	0	0	1
Thực trạng (Thừa: 0; Thiếu: 04)	-1	-1	-1	-1	

**\* Khối phụ trợ:**

Nội dung	P. hợp (VP)	P. y tế	Nhà kho	Khu để xe	Phòng nghỉ GV	Khu vệ sinh HS	Cổng hàng rào
Số lượng	1	1 (tạm)	0	1	0	2	2
Thực trạng (Thừa: 0; Thiếu: 06)		-1	-1	-1	-3		

**\* Sách giáo khoa:** Sử dụng bộ sách giáo khoa theo Quyết định của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành danh mục sách.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá**

*a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá*

Nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt cấp độ II.

Hàng năm nhà trường đều tổ chức xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi tự đánh giá.

*b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.*

Để hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, Nhà trường đã thực hiện kịp thời, hiệu quả những chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cấp ủy; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các bên liên quan: chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã Đắk N'Drung như: Đoàn thanh niên, Hội đồng đội,...; Các đoàn thể trong nhà trường như: Công đoàn cơ sở, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ban đại diện cha mẹ học sinh,....

Căn cứ Điều 24 - Thông tư số 17/2018/TT - BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá có thành viên là những viên chức giữ vị trí chủ chốt: Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên; Tổng phụ trách Đội; Nhân viên thư viện - văn thư; nhân viên kế toán; Tổ khối trưởng, Tổ khối phó và những giáo viên cốt cán của đơn vị.

Hội đồng tự đánh giá họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; lập kế hoạch tự đánh giá; tiến hành tự đánh giá theo kế hoạch: xác lập minh chứng; thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; thiết lập hồ sơ, lưu hồ sơ minh chứng.

Sau khi hoàn thành tự đánh giá, Nhà trường xây dựng và công bố báo cáo tự đánh giá, đồng thời gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, cho ý kiến chỉ đạo về việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài.

## **2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm**

Năm học 2024-2025, trường đánh giá ngoài và đề nghị công nhận kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia.

Sau đánh giá ngoài nhà trường cho xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng.

Các kế hoạch đều đưa ra các giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng tự đánh giá. Yêu cầu các nhóm công tác xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của nhóm mình phụ trách. Chỉ ra những minh chứng cần bổ sung cho những năm tiếp theo. Tiếp tục thu thập minh chứng. Tăng cường công tác tham mưu với các cấp để nâng cao chất lượng các chỉ báo.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

*a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường*

Tuyển sinh lớp 1: Tuyển sinh 92/100, đạt 92% trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

**Thống kê từng khối:**

Khối	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách		Tỉ lệ HS/lớp	Số buổi
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		

	468	223	47.85	419	89.91	195	41.81	1	0.25	283	60.24		học/ tuần
Khối 1	100	48	48.00	94	94.00	43	43.00			63	63.00	33.3	8 buổi
Khối 2	96	51	53.13	81	84.38	41	42.71			62	64.58	32	7 buổi
Khối 3	99	41	41.41	93	93.94	40	40.40			59	59.60	33	7 buổi
Khối 4	89	42	47.09	76	85.35	38	43.68		0	53	59.28	29.6	7 buổi
Khối 5	84	41	48.81	75	89.29	33	39.29	1	1.19	46	54.76	42	7 buổi

*b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp*

Khối	Lớp	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học		Lên lớp		Lưu ban	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 1	1A	33	31	93.9	31	93.9	2	6.1
Khối 1	1B	33	31	93.9	31	93.9	2	6.1
Khối 1	1C	34	30	88.2	30	88.2	4	11.8
	<b>Tổng khối 01</b>	<b>100</b>	<b>92</b>	<b>92.0</b>	<b>92</b>	<b>92.0</b>	<b>8</b>	<b>8.0</b>
Khối 2	2A	33	32	97.0	32	97.0	1	3.0
Khối 2	2B	33	31	93.9	31	93.9	2	6.1
Khối 2	2C	33	32	97.0	32	97.0	1	3.0
	<b>Tổng khối 02</b>	<b>99</b>	<b>95</b>	<b>96.0</b>	<b>95</b>	<b>96.0</b>	<b>4</b>	<b>4.0</b>
Khối 3	3A	30	30	100.0	30	100.0		
Khối 3	3B	31	31	100.0	31	100.0		
Khối 3	3C	31	30	96.8	30	96.8	1	3.2
	<b>Tổng khối 03</b>	<b>92</b>	<b>91</b>	<b>98.9</b>	<b>91</b>	<b>98.9</b>	<b>1</b>	<b>1.1</b>
Khối 4	4A	29	29	100.0	29	100.0		
Khối 4	4B	28	28	100.0	28	100.0		
Khối 4	4C	27	27	100.0	27	100.0		
	<b>Tổng khối 04</b>	<b>84</b>	<b>84</b>	<b>100.0</b>	<b>84</b>	<b>100.0</b>		
Khối 5	5A	32	32	100.0	32	100.0		
Khối 5	5B	33	33	100.0	33	100.0		
	<b>Tổng khối 05</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	<b>100.0</b>	<b>65</b>	<b>100.0</b>		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>440</b>	<b>427</b>	<b>97.0</b>	<b>427</b>	<b>97.0</b>	<b>13</b>	<b>3.0</b>

*c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở*



*giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông*

Chất lượng lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học 65/65, đạt 100%.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

### a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí): 4.242.022.500 đồng

+ Chi lương và các khoản theo lương: 3.505.822.500 đồng.

+ Chi thường xuyên: 396.000.000 đồng.

+ Chế độ chính sách học sinh ( NĐ81/2020, NQ11/2022 tỉnh Đắk Nông): 340.200.000 đồng.

- Các khoản thu, chi từ người học năm học 2023-2024;

TT	Nội dung khoản thu	Mức thu (đồng)	Tổng thu	Tổng chi	Tổng
1	Qũy đội (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	5.000 đồng/ tháng/ học sinh	14.962.500	14.962.500	0
2	Vệ sinh (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	10.000 đồng/ tháng/học sinh	19.650.000	19.650.000	0
3	Ghế chào cờ (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	35.000 đồng/học sinh lớp 1/năm	2.325.000	2.325.000	0
4	Bảo trì, nước uống học sinh (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	45.000 đồng/học sinh/năm	11.932.500	11.932.500	0

	Đắk Nông				
5	Quỹ khuyến học (Theo điều lệ hội khuyến học)	Huy động tất cả phụ huynh có con em học tại trường	19.730.000	19.730.000	0
6	Tài trợ, viện trợ	Huy động tất cả phụ huynh có con em học tại trường	59.100.000	59.100.000	0
7	Hoạt động trải nghiệm	Huy động tất cả phụ huynh có con em học tại trường	31.019.500	31.019.500	0
8	Học bạ	40.000 đồng/HS/năm	13.040.000	13.040.000	0

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không có

- Nguồn thu khác và loại hoạt động (*giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác*): Không có

**b) Các khoản chi phân theo:**

- Chi tiền lương và thu nhập (*lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên*): 3.505.822.500 đồng

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (*chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...*): 396.000.000 đồng

- Chi hỗ trợ người học (*học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...*): 340.200.000 đồng

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:**

- Học phí: Không có

- Lệ phí: Không có

**\* Dự kiến các khoản thu và mức thu cho năm học 2024-2025:**

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu (đồng)
----	--------------------	-------------	------------------------

1	Bảo hiểm y tế học sinh	Đồng	Theo quy định
2	Quỹ đội (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	Đồng	5.000 đồng/HS/tháng
3	Vệ sinh (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	Đồng	10.000 đồng/HS/tháng
4	Hỗ trợ hoạt động giáo dục (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	Đồng	40.000.000 đồng/năm ( Tất cả phụ huynh có con em học tại trường)
5	Công tác kiểm tra, đánh giá (Thực hiện theo NQ06/2021-HĐND tỉnh Đắk Nông)	Đồng	20.000.000 đồng/năm ( Tất cả phụ huynh có con em học tại trường)
6	Quỹ khuyến học	Đồng	20.000.000 đồng/năm ( Tất cả phụ huynh có con em học tại trường)

### **3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học**

- Đảm bảo HS thuộc diện chính sách, HS khuyết tật được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quy định.
- Không có học phí.

#### **4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không có.**

### **5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở**

- Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp.
- Công khai quyết toán tài chính hằng quý, hàng năm.
- Công khai các khoản thu theo phê duyệt của Phòng GD&ĐT.
- Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Dạy học Tin học**

Có phòng học Tin học với tổng số 15 máy tính được kết nối mạng internet; có máy chủ quản lý máy tính của học sinh;

Tổ chức dạy học Tin học cho 100% số học sinh từ khối 3 đến khối 5.

### **2. Dạy tiếng Anh**

Trường có 01 giáo viên tiếng Anh có trình độ đại học;



Tổ chức dạy tiếng Anh 3 tiết/tuần cho 100% học sinh khối lớp 3,4,5.

### **3. Dạy kỹ năng sống và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa**

100% học sinh các khối lớp được giáo dục chương trình giáo dục kỹ năng sống (nội dung theo KH hoạt động trải nghiệm, lồng ghép vào môn học và các hoạt động giáo dục khác) nhằm tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

### **4. Dạy Stem**

Lồng ghép chương trình giáo dục Stem trong kế hoạch giáo dục môn học và hoạt động giáo dục.

### **5. Xây dựng trường học xanh-sạch-an toàn**

Xây dựng mô hình công trường an toàn giao thông. Thành lập đội tự quản và đội phát thanh măng non, thường xuyên phát các bản tin tuyên truyền về thực hiện an toàn giao thông và an toàn trường học.

Tổ chức các buổi truyền thông về phòng chống tai nạn, thương tích, đuối nước theo hình thức sinh hoạt dưới cờ.

Tổ chức các hoạt động dạy học gắn với lao động sản xuất./.

#### **Nơi nhận:**

- CBQL, GV, NV;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT.



**Hoàng Văn Nam**